TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ AN NHƠN** **TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 196/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 15-7-2024
"*V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ AN NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Lệ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Minh Chiến

2. Ông Võ Thanh Liêm

- ***Thư ký phiên Tòa***: Bà Nguyễn Mai Đoan Thục - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Mỹ Lệ - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 38/2024/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2024, về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1213/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 1351/2024/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Chị Trương Thị B, sinh năm 1984 (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Đ, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định.

** Bị đơn*: Anh Bùi Việt D, sinh năm 1981 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Đ, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* *Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản ghi lời khai, các thủ tục tố tụng tiếp theo nguyên đơn chị Trương Thị B trình bày*: Chị và anh Bùi Việt D có thời gian tìm hiểu vài tháng và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới vào năm 2005, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống tại thôn Đ, xã N, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến năm 2022 thì giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên

nhân anh D nghi ngờ chị ngoại tình nên thường kiếm chuyện kình cãi, anh D còn nghiện rượu, thường xuyên uống rượu về đánh chị. Vào mùng 6 tháng 01 năm 2024 âm lịch, anh D uống rượu về tiếp tục đánh chị nên chị báo cáo Công an xã N. Sau ngày đó anh D không về nhà, từ đó đến nay vợ chồng không liên lạc để bàn về vấn đề quay lại chung sống, vợ chồng sống ly thân từ tháng 01 năm 2024 cho đến nay. Chị xác định vợ chồng không còn tình cảm với nhau nên kiên quyết ly hôn với anh Bùi Việt D.

Về con chung: Vợ chồng có 02 người con tên Bùi Thanh T sinh ngày 19/7/2005 và Bùi Việt Đ, sinh ngày 22/8/2006 hiện đang ở với chị, ly hôn chị yêu cầu tiếp tục nuôi cháu Bùi Việt Đ, không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con. Riêng cháu Bùi Thanh T đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn đã thực hiện tống đạt thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho gia đình của anh Bùi Việt D theo quy định của pháp luật nhưng anh Bùi Việt D không đến Tòa để trình bày ý kiến, yêu cầu.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa đúng theo quy định của pháp luật.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 28, 35, 39, 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Trương Thị B được ly hôn với anh Bùi Việt D.

- Về con chung: Giao cháu Bùi Việt Đ sinh ngày 22/8/2006 cho chị Trương Thị B chăm sóc, nuôi dưỡng, ghi nhận sự tự nguyện của chị B không yêu cầu anh Bùi Việt D cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu Bùi Thanh T sinh ngày 19/7/2005 đã đủ tuổi trưởng thành nên miễn xét.

- Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên miễn xét.

- Về án phí: Buộc chị Trương Thị B phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Trương Thị B có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt,

bị đơn anh Bùi Việt D được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn tiếp tục vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng chị B và anh D.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Trương Thị B và anh Bùi Việt D có thời gian tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới và tự nguyện đăng ký kết hôn vào năm 2005 được UBND xã N cấp giấy chứng nhận kết hôn theo đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên trong quá trình chung sống, giữa chị B và anh D đã phát sinh mâu thuẫn dẫn đến việc cả hai anh chị sống ly thân từ đầu năm 2024 cho đến nay. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho gia đình của anh Bùi Việt D nhưng anh D không đến Tòa án và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến yêu cầu, điều này thể hiện anh D không có thiện chí cũng không tha thiết đến việc hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị B. Ngoài ra trong thời gian sống ly thân giữa chị B và anh D cũng không có biện pháp tích cực để giải quyết mâu thuẫn giữa vợ chồng, chứng tỏ hôn nhân giữa chị B và anh D đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trương Thị B đối với anh Bùi Việt D.

[2.2] Về con chung: Chị B xác định vợ chồng có 02 người con tên Bùi Thanh T sinh ngày 19/7/2005 và Bùi Việt Đ sinh ngày 22/8/2006 hiện đang sống với chị B, ly hôn chị B yêu cầu nuôi dưỡng người con Bùi Việt Đ. Mặc dù không có lời khai của anh D nhưng căn cứ chứng cứ giấy khai sinh do chị B cung cấp, đủ cơ sở xác định vợ chồng chị B và anh D có 02 người con đúng như chị B đã trình bày. Xét yêu cầu nuôi con của chị B, Hội đồng xét xử thấy rằng: Từ lúc vợ chồng mâu thuẫn sống ly thân, chị B là người trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc người con Bùi Việt Đ và cháu Đ cũng có nguyện vọng tha thiết được ở mẹ, do đó chấp nhận yêu cầu của chị B giao người con Bùi Việt Đ cho chị B tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến tuổi trưởng thành là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình. Đối với người con Bùi Thanh T đã trưởng thành muốn ở với ai do cháu tự quyết định, chị T không yêu giải quyết nên không xem xét.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị B không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị B không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[2.5] Án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị B phải chịu theo quy định của pháp luật.

[3] Ý kiến của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1- Chấp nhận yêu cầu của chị Trương Thị B được ly hôn với anh Bùi Việt D.

2- Về trách nhiệm nuôi dưỡng con chung sau ly hôn: Giao người con tên Bùi Việt Đ sinh ngày 22/8/2006 cho chị Trương Thị B tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi người con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Đối với người con Bùi Thanh T đã trưởng thành, chị T không yêu giải quyết nên không xem xét.

Sau ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Trương Thị B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì lợi ích của con, các đương sự có quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con hoặc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

4- Về tài sản chung, nợ chung: Chị Trương Thị B không yêu cầu giải quyết.

5- Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Trương Thị B phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) được trừ vào 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005274 ngày 27 tháng 02 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định.

6- Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này lên cấp xét xử phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Định
- VKSND TX. An Nhơn
- Chi cục THA TX. An Nhơn
- UBND xã N
(GCNKH số 46 ngày 09/7/2005)
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Mỹ Lệ